

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 4653/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/2/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8173/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8489/2022/ QĐST – HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Lê Nguyên T, sinh năm 1985. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Thường trú: TDP, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông Đỗ Thế S, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Lê Nguyên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lê Nguyên T và ông Đỗ Thế S tự nguyện yêu thương, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Bà T và ông S sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đỗ Thế S.

- Về con chung: Hai vợ chồng bà T và ông S có một 02 con chung Đỗ Bình M, sinh ngày 15/3/2011 và Đỗ Gia K, sinh ngày 30/11/2017. Hiện nay, các con đang được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/tháng/1 con. Tổng cộng 02 con 9.000.000 đồng/tháng/02 cho đến khi 02 con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Theo bà T trình bày về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2022 và biên bản hòa giải ngày 15/8/2022 bị đơn ông Đỗ Thế S trình bày ý kiến như sau:

Về con chung: Việc xác lập quan hệ hôn nhân như bà T trình bày là đúng sự thật. Theo ông S hiện nay tình cảm vợ chồng ông S, bà T vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn. Vợ chồng mâu thuẫn chỉ là sự hiểu nhầm và chưa thống nhất quan điểm về kinh tế trong gia đình cũng như cách nuôi dạy con cái, tuy nhiên những mâu thuẫn trên có thể hàn gắn được.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, họ lên ngày tháng năm sinh của con chung như lời trình bày của bà T là đúng sự thật. Hiện nay các con chung đang sinh sống với bà T. Ông S vẫn cấp dưỡng nuôi con 08 triệu đồng cho hai con chung và đóng tiền học cho các con chung. Nay ly hôn ông S có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con Đỗ Gia K số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có đang tên căn hộ chung cư X. Hiện nay căn hộ trên đã chuyển nhượng cho người khác nên tài sản chung không có.

Về nợ chung: Hiện nay hai vợ chồng con nợ người khác khoảng 180 triệu đồng. Ông S không ký tên vay nợ nên không biết vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ mà đương sự cung cấp thể hiện tình cảm vợ chồng bà T, ông S có mâu thuẫn, hiện nay đang sống ly thân và không còn tình cảm với nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là cho bà T được ly hôn với ông Đỗ Thế S.

+ Về con chung: Hai vợ chồng bà T và ông S có một 02 con chung Đỗ Bình M, sinh ngày 15/3/2011 và Đỗ Gia K, sinh ngày 30/11/2017. Khi ly hôn bà T cũng như ông S có nguyện vọng nuôi con chung và có cùng yêu cầu cấp dưỡng con. Xét thấy các con chung hiện nay do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông S xác định hiện nay cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 8.000.000 đồng cho hai con chung cũng như đóng học phí cho các con chung. Bên cạnh đó nguyện vọng của con chung là trẻ Đỗ Bình M là được sinh sống với mẹ. Hiện nay ông S đang công tác và sinh sống nhà tập thể của Trường Đại học A nên khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hơn bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông S cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Phan Lê Nguyên T và bị đơn ông Đỗ Thế S trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung Các đương sự tự nguyện kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án cụ thể như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả trả lời theo Công văn số 1236/T04-P2 ngày 28/7/2022 của Trường Đại học A xác định ông Đỗ Thế S hiện nay đang là biên chế và đang làm việc tại Trường Đại học A, địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Lê Nguyên T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thế S. Ông Đỗ Thế S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương

sự, thông báo công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án lần thứ hai. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện: Bà Phan Lê Nguyên T yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thế S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Lê Nguyên T và ông Đỗ Thế S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Phan Lê Nguyên T xin được ly hôn với ông Đỗ Thế S. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Bà Phan Lê Nguyên T xác định giữa hai vợ chồng hiện nay đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đỗ Thế S không đến để hòa giải đoàn tụ đã thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông S không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Lê Nguyên T đối với ông Đỗ Thế S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Hai vợ chồng bà Phan Lê Nguyên T và ông Đỗ Thế S cùng xác định hai vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 15/3/2011 và Đỗ Gia K, sinh ngày 30/11/2017.

Khi ly hôn bà T và ông S đều có nguyện vọng nuôi hai con và yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét về quyền nuôi dưỡng con chung giữa các đương sự là như nhau và bất khả xâm phạm. Xét về điều kiện nuôi con bà T cũng như ông S đều có nguyện vọng nuôi con cũng như đưa ra phương pháp và điều kiện nuôi con tốt nhất. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa các bên đương sự đã cung cấp tài liệu chứng cứ nhằm bảo vệ quyền nuôi con của mình. Bản thân các đương sự đều có nguyện vọng nuôi cả hai con chung vì không muốn chia sẻ tình cảm của trẻ nhỏ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của con chung là trẻ Đỗ Bình M có nguyện vọng được ở với bà T. Vì vậy xét về điều kiện nuôi con cũng như nhằm tránh xáo trộn việc học tập, sinh hoạt của các

con chung, tránh gây ảnh hưởng xấu đến việc phát triển tâm, sinh lý của con chung. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng bà T và ông S sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao các con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 07/12/2022 bà T có nguyện vọng nuôi con chung nhưng yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng/01 con chung/tháng. Tổng cộng 02 con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bản thân ông S đã thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho mỗi người con chung và đóng tiền học phí cho các con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ tại Trường Đại học A đã thể hiện mức lương của ông S là hơn 15.000.000 đồng tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên là có cơ sở.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Phan Lê Nguyên T, ông Đỗ Thế S xác định không có.

[2.4] Nợ chung: Bà Phan Lê Nguyên T, ông Đỗ Thế S xác định không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Lê Nguyên T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Ông Đỗ Thế S phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273; Điều 277 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lê Nguyên T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lê Nguyên T được ly hôn với ông Đỗ Thế S.

(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 07/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 15/3/2011 và Đỗ Gia K, sinh ngày 30/11/2017 cho bà Phan Lê Nguyên T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Thế S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng/1 con chung. Tổng cộng 02 con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/02 con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 1/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Lê Nguyên T, nếu ông Đỗ Thế S chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng ông Đỗ Thế S còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung: Bà Phan Lê Nguyên T và ông Đỗ Thế S xác định không có.

1.4. Về nợ chung: Bà Phan Lê Nguyên T và ông Đỗ Thế S xác định không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Phan Lê Nguyên T phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng bà Phan Lê Nguyên T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0025956 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thế S phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn

15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu